

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 16/2023/DS-GĐT

Ngày 7/4/2023

Về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần tham gia xét xử giám đốc thẩm gồm:

Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Minh Tuấn - Thẩm phán.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tiến, ông Đặng Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: bà Hà Thị Mỹ Châu - Thẩm tra viên chính.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” giữa:

- *Nguyên đơn:* ông Bùi Văn V và bà Nguyễn Thị Kim O; địa chỉ: tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Bá Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc A; địa chỉ: thôn Đắc Mế, xã Pờ Y, huyện N, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Văn V và bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Vào khoảng tháng 6 năm 2018, vợ chồng ông V, bà O thỏa thuận mua của vợ chồng ông Nguyễn Bá Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc A 01 tấm phản bằng gỗ với giá 300.000.000 đồng. Khi bán, vợ chồng ông Đ nói tấm phản được làm bằng gỗ Hương Lào nguyên khối, có kích thước: dài 3,6m, rộng 1,6m, dày 18cm, có hai chân đỡ bằng gỗ. Khoảng nửa tháng sau, vợ chồng ông Đ chở tấm phản đến nhà ông V và nhận toàn bộ số tiền mua bán là 300.000.000 đồng cùng 4.000.000 đồng tiền vận chuyển. Tuy nhiên, sau khi sử dụng một thời gian và phát hiện tấm phản này được ghép từ nhiều tấm gỗ, cũng không phải làm bằng gỗ Hương Lào; vợ chồng ông V đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Đ hoàn trả lại số tiền mua bán

nhưng phía bị đơn không thực hiện, nên ông V, bà O làm đơn tố cáo đến Công an huyện N. Qua giám định của cơ quan chuyên môn xác định tấm phản được làm bằng gỗ Hương Nam Phi. Công an huyện N cũng có văn bản trả lời không có cơ sở khởi tố vụ án hình sự.

Vì vậy, bà O, ông V yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà A hoàn trả lại toàn bộ số tiền mua bán là 300.000.000đồng. Tại phiên toà sơ thẩm, ông V, bà O bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án tuyên hợp đồng mua bán nêu trên vô hiệu.

-Bị đơn ông Nguyễn Bá Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Vào khoảng giữa năm 2018, vợ chồng Ông Bà có mua của người khác 01 tấm phản bằng gỗ Hương với giá gần 300.000.000 đồng. Một thời gian sau, bà Nguyễn Thị Kim O đến nhà chơi, thấy tấm phản đẹp thì muốn mua lại. Lúc đầu vợ chồng bà A không có ý định bán nên đã từ chối. Tuy nhiên, về sau, do mối quan hệ quen biết, trước sự nài nỉ của bà O, vợ chồng Bà đồng ý bán lại tấm phản này với giá 300.000.000 đồng. Việc mua bán giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai. Khi mua tấm phản, người bán nói đó là gỗ Hương nên khi bán lại cho vợ chồng bà O, Bà cũng nói tấm phản được làm bằng gỗ Hương. Vợ chồng Bà đã giao cho nguyên đơn đúng tấm phản mà hai bên thỏa thuận mua bán và nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng. Do vậy, Ông, Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V, bà O.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 24/01/2022, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127, Điều 131, Điều 385, Điều 407, khoản 2 Điều 357, các Điều 430 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi 64.800.000đồng, đã được đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim O và ông Bùi Văn V rút yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim O và ông Bùi Văn V về việc tuyên hợp đồng mua bán vô hiệu, buộc ông Nguyễn Bá Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc A trả số tiền đã nhận;

3. Tuyên bố: Hợp đồng mua bán tấm phản bằng gỗ được giao kết (bằng lời nói) giữa bà Nguyễn Thị Kim O và ông Bùi Văn V với ông Nguyễn Bá Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc A vô hiệu.

- Buộc ông Nguyễn Bá Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc A phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim O và ông Bùi Văn V số tiền đã nhận từ việc mua bán tấm phản là 300.000.000 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim O và ông Bùi Văn V phải hoàn trả cho ông Nguyễn Bá Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc A tấm phản bằng gỗ mà bà Nguyễn Thị Kim O và ông Bùi Văn V đã nhận của ông Nguyễn Bá Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc A. Tấm phản có kích thước: dài 3,6m; rộng 1,6m, dày 18cm; có chân đỡ bằng gỗ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/7/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên vì lý do: việc mua bán giữa các bên là tự nguyện, Tòa án tuyên hợp đồng mua bán vô hiệu, buộc Bà nhận lại tấm phản gỗ và phải trả lại tiền cho ông V, bà O là không đúng.

Tại Quyết định số 03/2023/KN-DS ngày 8/02/2023, ChA án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của ChA án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Các đương sự đều thừa nhận tháng vào tháng 6/2018, vợ chồng ông V, bà O có mua của vợ chồng ông Đ, bà A một tấm phản gỗ với giá 300.000.000 đồng. Vợ chồng ông V, bà O cho rằng vợ chồng ông Đ nói tấm phản được làm từ gỗ Hương Lào nguyên khối nên vợ chồng ông V, bà O đồng ý mua với giá 300.000.000 đồng, có ông Trần Đ Thuận (là người phụ giúp đưa tấm phản gỗ vào nhà) làm chứng. Sau khi mua về sử dụng thì vợ chồng ông V, bà O phát hiện tấm phản gỗ đó không phải gỗ Hương Lào nguyên khối nên đã trao đổi với vợ chồng ông Đ để trả lại; còn phía vợ chồng ông Đ, bà A thì cho rằng việc mua bán là hoàn toàn tự nguyện, tấm phản này vợ chồng ông Đ, bà A mua của người khác và họ nói rằng đó là gỗ Hương nên vợ chồng ông Đ, bà A nói gỗ Hương chứ không lừa gạt vợ chồng ông V, bà O.

[2]. Tại Kết luận giám định Tư pháp ngày 28/5/2020, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum kết luận: Tấm phản là gỗ Hương Nam Phi, Họ Đậu (bút lục 30-32); tại Biên bản định giá ngày 08/12/2021, Hội đồng định giá tài sản huyện N, tỉnh Kon Tum xác định giá trị tấm phản gỗ nêu trên tại thời điểm định giá là 41.472.000 đồng, Phụ lục định giá tài sản tranh chấp ở mục Ghi chú thể hiện là gỗ thành phẩm (bút lục 105-106).

[3]. Ông V cho rằng vợ chồng ông Đ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã có đơn tố cáo. Tại Thông báo số 288/CSĐT ngày 27/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thông báo hành vi của ông Nguyễn Bá Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc A không cấu thành tội phạm nên đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 17 ngày 27/7/2020.

[4]. Về nguồn gốc tấm phản gỗ: Tại Biên bản ghi lời khai ngày 20/5/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 05/8/2021 tại Toà án nhân dân huyện N, ông Trịnh Việt Anh khai vào năm 2016, Ông mua tấm phản gỗ này của một Công ty gỗ ở thành phố Kon Tum với giá 130.000.000 đồng, do lâu ngày và hiện tại Công ty gỗ đã chuyển đi nơi khác nên Ông không nhớ rõ tên Công ty và không nhớ loại gỗ gì, sau đó Ông bán tấm phản gỗ này cho vợ chồng ông Đ, bà A với giá 240.000.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông Đ, bà A bán lại cho vợ chồng bà O, ông V.

[5]. Đối với lời khai của ông Trần Đ Thuận cho rằng khi phụ giúp đưa tấm phản gỗ vào nhà cho vợ chồng ông V, bà O, Ông có hỏi vợ chồng ông V và ông Đ *thì họ cùng nói cho tôi biết tấm phản gỗ mà anh Đ bán cho vợ chồng anh V là gỗ nguyên khối bằng Hương Lào với giá 300.000.000 đồng*, tuy nhiên vợ chồng ông Đ, bà A không thừa nhận nội dung này và ông V, bà O cũng không có chứng cứ khác để chứng minh có sự thoả thuận của các bên là mua bán tấm phản nguyên khối bằng gỗ Hương Lào.

[6]. Ông V, bà O cung cấp 1 file ghi âm kèm theo Bản trình bày về việc dịch file ghi âm cho rằng đoạn ghi âm ghi lại cuộc nói chuyện giữa hai bên và cho rằng bà A thừa nhận trả lại tiền cho ông V, bà O nhưng không có chứng cứ chứng minh đoạn ghi âm đó có phải là giọng nói của bà A hay không.

Như vậy, căn cứ vào các nội dung trên, xét thấy vợ chồng ông V, bà O có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận khi giao kết hợp đồng mua bán tấm phản gỗ, bên mua đã kiểm tra, nhận hàng và trả đủ tiền; thực tế bên mua đã nhận hàng và sử dụng từ tháng 6/2018 đến năm 2020, bên bán đã giao tài sản, nhận đủ tiền, giao dịch giữa các bên là hợp pháp, đã hoàn thành. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và người làm chứng trong vụ án thì vợ chồng ông Đ mua tấm phản gỗ với giá 240.000.000 đồng, sau đó bán lại cho vợ chồng

ông V với giá 300.000.000 đồng, điều này chứng tỏ vợ chồng ông Đ, bà A không có ý thức lừa dối vợ chồng ông Vinh, bà O; phù hợp với kết luận của Cơ quan Cảnh sát điều tra là không có dấu hiệu hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng vợ chồng ông Đ, bà A đưa ra thông tin không đúng sự thật về chủng loại gỗ của tấm phản để lừa dối ông V, bà O nên hợp đồng mua bán giữa hai bên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 127 Bộ luật Dân sự, nhận định này là không có căn cứ, không đúng với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định khi mua bán gỗ phải có hồ sơ lâm sản chứng minh về nguồn gốc, do tấm phản gỗ này không có giấy tờ về nguồn gốc, việc các bên mua bán tấm phản gỗ là vi phạm điều cấm của pháp luật, nên bị vô hiệu theo Điều 123 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả giám định, tấm phản gỗ này đã là thành phẩm, đã được giao dịch mua bán nhiều lần, pháp luật không cấm các giao dịch này, nên việc mua bán tấm phản gỗ giữa các bên là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, bà O là không đúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 và Điều 349 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

2. Quyết định giám thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử giám thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- ChA án TAND cấp cao tại Đà Nẵng ;
- Viện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND huyện N ;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Tuấn

